



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2021

Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai

238, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

(0251) 3899 790

www.dolicovn.com

05

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 07 Thông tin khái quát
- 09 Quá trình hình thành và phát triển
- 11 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 12 Mô hình quản trị
- 13 Cơ cấu bộ máy quản lý
- 14 Các công ty con, công ty liên kết
- 15 Định hướng phát triển
- 17 Các rủi ro

21

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 23 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 24 Tổ chức và nhân sự
- 29 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 29 Tình hình tài chính
- 33 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 34 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

37

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 39 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 40 Tình hình tài chính
- 41 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 41 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 42 giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 43 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

45

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 47 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 49 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành Công ty
- 49 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

51

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 53 Hội đồng quản trị
- 57 Ban kiểm soát
- 59 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

91

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 63 Ý kiến kiểm toán
- 64 Báo cáo tài chính

1

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị
- Cơ cấu bộ máy quản lý
- Các công ty con, công ty liên kết
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

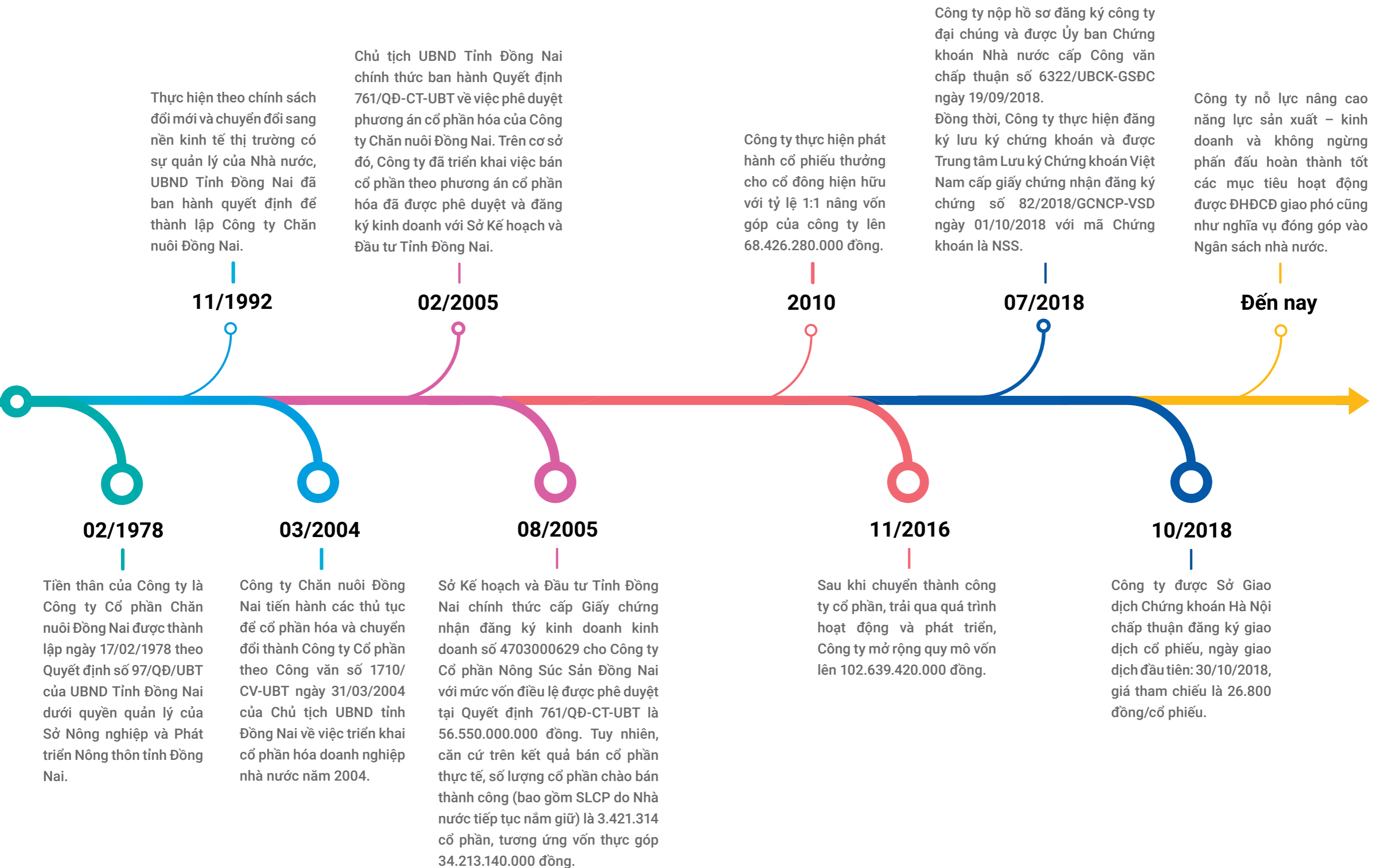
- **Tên Công ty** CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
- **Tên viết tắt** DOLICO
- **Tên Tiếng Anh** Dong Nai Agricultural Livedtock Product Joint – Stock Company
- **Mã cổ phiếu** NSS
- **Vốn điều lệ** 102.639.420.000 đồng
- **Trụ sở chính** 238, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- **Điện thoại** 0251.3899790
- **Fax** 0251.3899102
- **Website** www.dolicovn.com
- **Giấy chứng nhận ĐKDN** 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/08/2005, thay đổi lần thứ 9 ngày 13/06/2019





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

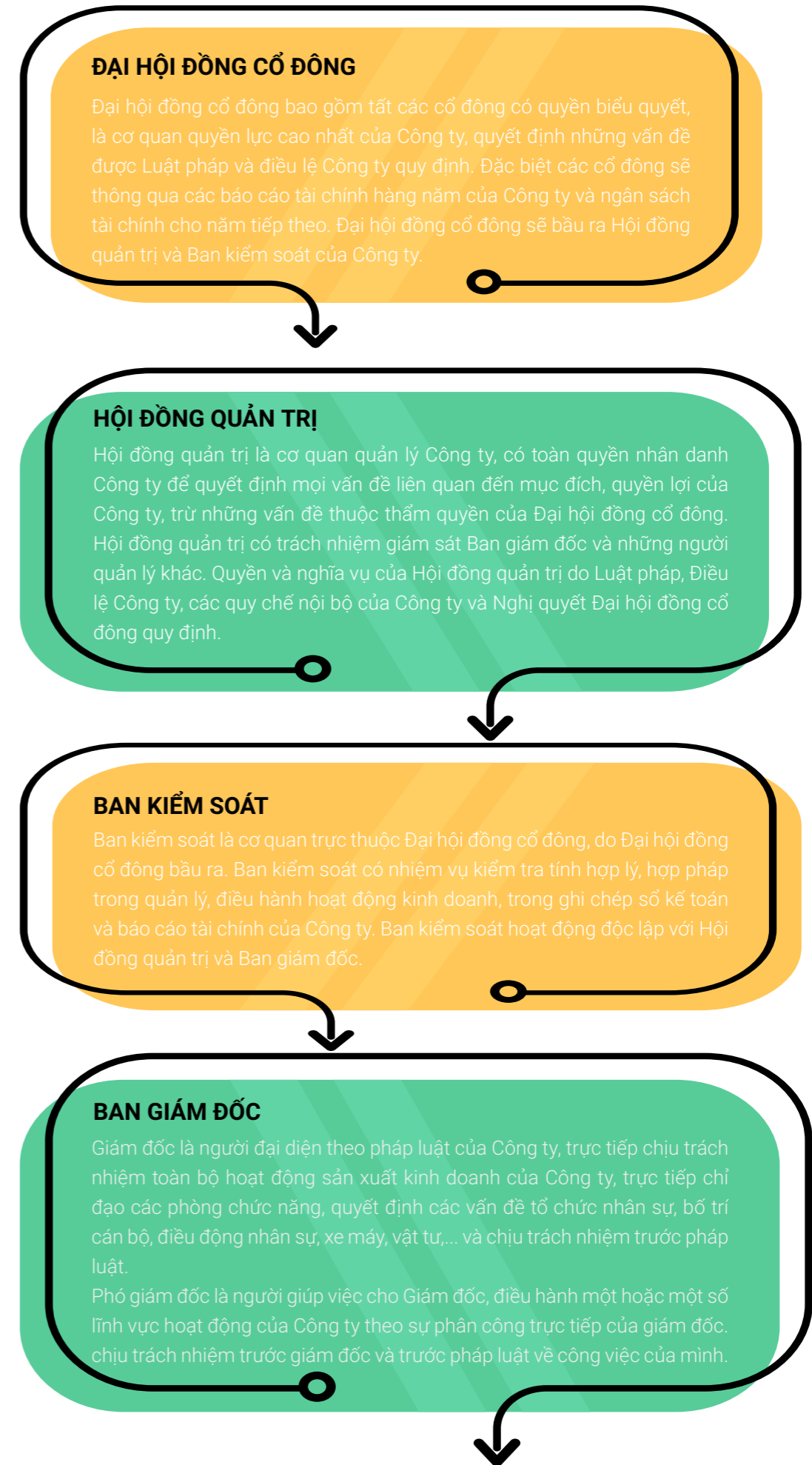
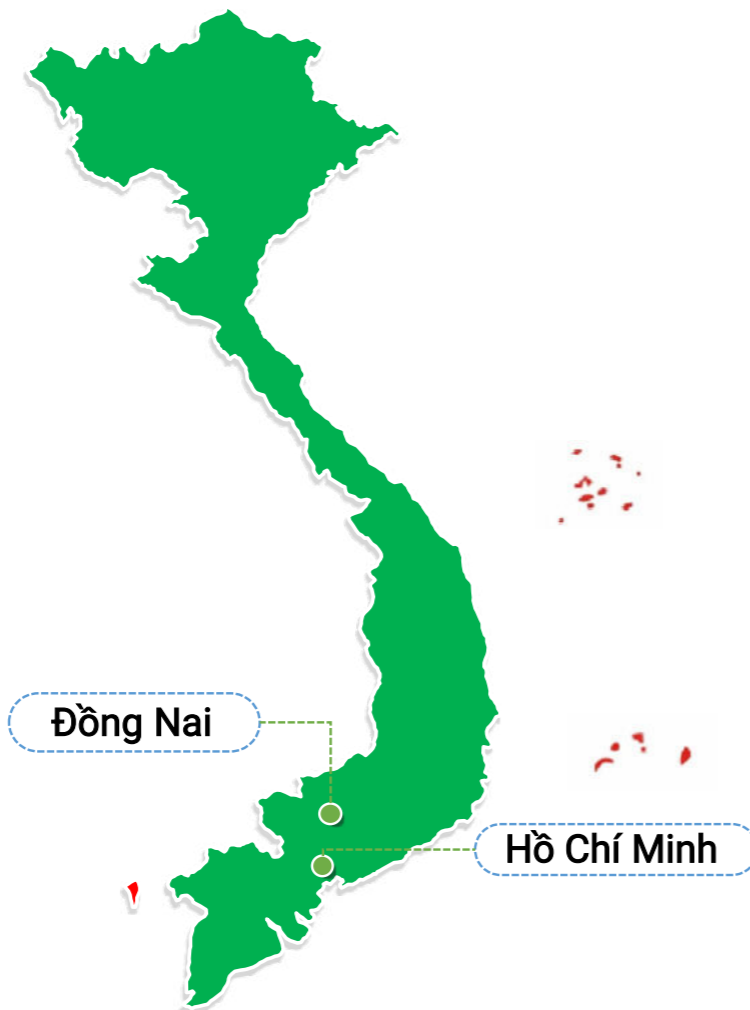


NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo.
- » Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm.
- » Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi.
- » Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt.
- » Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt.
- » Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông, vải).
- » Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến.
- » Sản xuất thức ăn gia súc.
- » Chế biến rau, củ, quả.
- » Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh).
- » Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi; xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi.
- » Xây dựng địa ốc.
- » Xây dựng cơ sở hạ tầng.
- » Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ.
- » Kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc.
- » Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho.
- » Bán buôn xe gắn máy.
- » Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải).
- » Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải).
- » Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
- » Trồng rừng và chăm sóc rừng.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu tại tỉnh Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác trên lãnh thổ Việt Nam.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

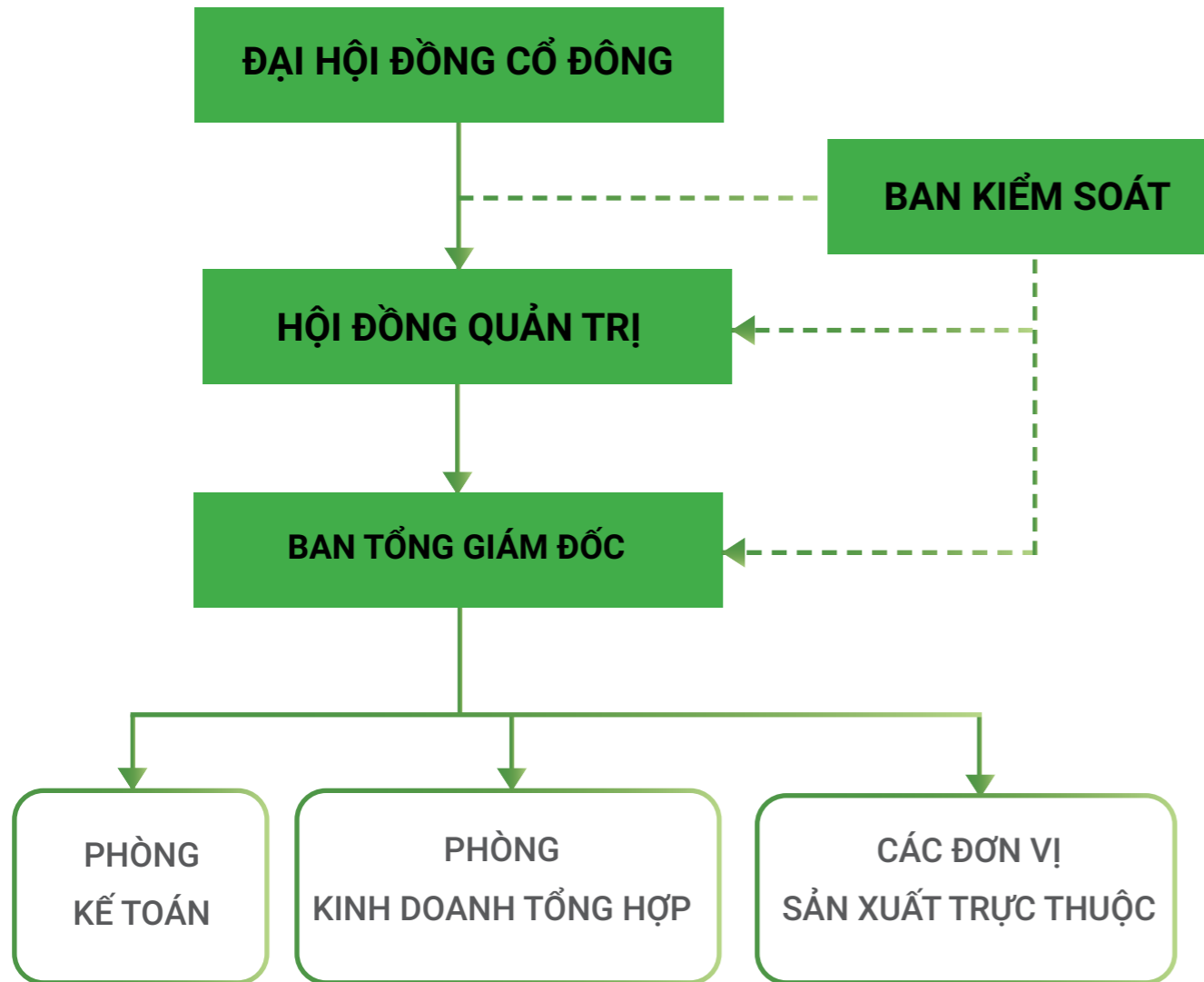
BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng, quyết định các vấn đề tổ chức nhân sự, bố trí cán bộ, điều động nhân sự, xe máy, vật tư,... và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Phó giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công trực tiếp của giám đốc. Chịu trách nhiệm trước giám đốc và trước pháp luật về công việc của mình.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai không có Công ty con và Công ty liên kết.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3, Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phượng Vĩ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Cửa hàng giới thiệu sản phẩm Dolico	Số 34, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo giống Vĩnh Cửu	Tổ 11, Ấp 1, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Trại heo thịt thương phẩm Thạnh Phú	Tổ 8, Ấp 5, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Xưởng chế biến thực phẩm	Số 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn gia súc



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Về sản phẩm

Tập trung vào phát triển lĩnh vực chăn nuôi heo, cung cấp những sản phẩm đảm bảo an toàn, tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định với giá trị và chất lượng vượt trội.

Về quy mô sản xuất

Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất kinh doanh với cơ sở hạ tầng và thiết bị vật tư hiện đại, mang tính tự động hóa cao, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho đàn heo. Đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đầy đủ trang thiết bị cho nhân viên Công ty, nâng cao chất lượng và năng suất công việc.

Về công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y

Đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh chuồng trại, chăm sóc và kiểm tra tình trạng sức khỏe đàn heo định kỳ, thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cần thiết và kịp thời.

Về hiệu quả sản xuất kinh doanh

Đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình chăn nuôi để tìm ra các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; tăng tỷ lệ phối giống, nâng cao năng suất sản xuất và mang lại hiệu quả cho Công ty, cổ đông và người lao động.

Về hoạt động đầu tư

Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở sản xuất chăn nuôi hiện có, đồng thời đẩy nhanh tiến độ các dự án dở dang. Triển khai các phương án, chiến lược hoạt động phù hợp để thúc đẩy kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Về công tác sản xuất

- » Với chiến lược "Không đầu tư dàn trải", Công ty đưa ra thứ tự ưu tiên đầu tư nhằm kiểm soát chi phí một cách hiệu quả và mang lại lợi nhuận tối đa;
- » DOLICO không ngừng đầu tư nghiên cứu để cải thiện chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm của công ty;
- » Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên bộ trong sản xuất, chăn nuôi nhằm tăng năng suất, hạn chế rủi ro dịch bệnh, định kỳ thăm khám sức khỏe đàn heo;
- » Sử dụng các kỹ thuật phối giống mới nhằm

tăng khả năng đậu thai và sinh nở, hạn chế tình trạng sinh non ở đàn heo;

- » Nghiên cứu và sử dụng các chế độ ăn uống, thực đơn hợp lý, đảm bảo về mặt chi phí đầu vào cũng như chất lượng đầu ra của đàn heo;
- » Giữ mối quan hệ với các khách hàng cũ đồng thời chủ động tìm kiếm, mở rộng mạng lưới khách hàng và nhà đầu tư mới cho Công ty;
- » Đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động cho cán bộ, nhân viên Công ty.

Về công tác quản lý

- » Tổ chức bộ máy hoạt động phù hợp với tình hình thị trường và điều kiện Công ty để nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động;
- » Tăng cường hoạt động kiểm soát nhằm đảm bảo nhân viên Công ty tuân thủ đúng các quy định đã ban hành.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công tác chăn nuôi của Công ty luôn gắn liền với các hoạt động đảm bảo vệ sinh môi trường, tất cả các cơ sở sản xuất, chuồng trại đều được đầu tư, trang bị hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi, xử lý mùi hôi, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường theo quy định hiện hành, giúp đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh đồng thời giảm bớt các nguy cơ bùng phát và lây lan dịch bệnh trên đàn heo. Nhờ đó, Công ty có thể đảm bảo uy tín và

nâng cao hình ảnh đối với các khách hàng và đối tác.

Dolico cũng tham gia nhiều hoạt động đóng góp cho cộng đồng và tạo việc làm cho người lao động địa phương thông qua các hoạt động tài trợ, khuyến khích CBCNV, đóng góp và tổ chức các hoạt động từ thiện, quyên góp cho đồng bào miền Trung chịu ảnh hưởng của thiên tai,...

RỦI RO KINH TẾ

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2021 có nhiều gam màu sáng tối đan xen. Dịch Covid-19 vẫn tác động tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng của nhiều nền kinh tế. Trong nước, GDP năm 2021 ghi nhận tăng 2,58% so với năm 2019, đây là mức thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Đợt bùng phát dịch lần thứ tư tại các địa phương kinh tế trọng điểm như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai,... gây tác động cực kỳ bất lợi đến

nền kinh tế.

Ở nước ta, chăn nuôi heo đang cung cấp gần 70% nhu cầu thịt cho xã hội. Khi dịch Covid - 19 làm đứt gãy các khâu sản xuất và cung ứng thì ngành chăn nuôi heo chịu hậu quả tức thì. Sản phẩm là vật nuôi ứ đọng, quá tuổi, khó tiêu thụ cộng với nhu cầu giảm gây tình trạng dư thừa. Hoạt động trong ngành chăn nuôi heo, Dolico cũng không tránh khỏi ảnh hưởng nặng nề

mà các doanh nghiệp cùng gánh chịu.

Do đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động cập nhật tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước để có được những phương án dự phòng rủi ro phù hợp, xem xét sâu rộng những ảnh hưởng vĩ mô để xây dựng kịch bản ứng phó kịp thời, đồng thời, nắm bắt cơ hội nhanh chóng để đạt được những mục tiêu đề ra.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hoạt động chăn nuôi phải đối mặt với nhiều thách thức khi hội nhập sâu rộng với quốc tế, nhất là khi nhiều hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, sản phẩm chăn nuôi trong nước sẽ phải cạnh tranh gay gắt hơn với sản phẩm cùng loại của các nước có trình độ, kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi tốt hơn Việt Nam. Ngoài ra, ngày

01/7/2022, Việt Nam chính thức giảm thuế theo quy tắc thuế quan Tối huệ quốc (Most Favoured Nation Treatment - MFN) đối với thịt lợn đông lạnh của Mỹ từ 15% xuống còn 10% làm gia tăng áp lực cạnh tranh trong ngành chăn nuôi.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, Dolico đẩy mạnh xây dựng các mô hình chăn nuôi

hiện đại, khép kín, tự động để tối ưu hóa sản xuất tạo ra sản phẩm chăn nuôi có giá thành cạnh tranh, chất lượng cao để hướng tới xuất khẩu. Bên cạnh đó, Công ty tăng cường quảng cáo sản phẩm trên website, báo đài, truyền hình, các hội thảo, diễn đàn chăn nuôi,... để gia tăng độ nhận diện, định vị thương hiệu.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai có cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự chi phối của các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, các Luật Thuế,... Do hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, Dolico còn chịu tác động của các văn bản pháp luật như: Luật Vệ sinh môi trường, Luật An toàn thực phẩm, Luật Chăn nuôi,... Chính vì những sự

ràng buộc này đã dẫn đến nhiều khó khăn cho Công ty mỗi khi các văn bản pháp luật thay đổi để phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước.

Để hạn chế rủi ro pháp luật Công ty luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình những thay đổi trong quy định để Định kỳ tập huấn cho các cán bộ và công nhân viên ở từng bộ phận về những quy định pháp luật có liên quan.



RỦI RO SẢN PHẨM ĐẦU RA

Ngành chăn nuôi, cụ thể là chăn nuôi heo năm 2021 gặp nhiều khó khăn. Do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, vận chuyển khó khăn làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng các sản phẩm. Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi cũng giảm bởi khu công nghiệp, nhà

hàng, bếp ăn tập thể,... ngưng hoạt động. Bên cạnh đó, giá thịt lợn hơi xuất chuồng vận động theo xu hướng giảm mạnh. Những điều này làm đầu ra của Công ty gặp khó khăn, doanh thu và lợi nhuận của Công ty cũng hạn chế.

Để cải thiện rủi ro này, Ban lãnh đạo Công ty nỗ lực đa

dạng hóa kênh phân phối sản phẩm, trong đó, phát triển mạnh các sàn thương mại điện tử nhằm giảm áp lực kênh phân phối là siêu thị và cửa hàng tiện lợi. Đồng thời, Công ty tăng cường chăn nuôi heo theo hướng hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm, chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Đối với ngành chăn nuôi, giá thức ăn chăn nuôi chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá vốn. Hiện nay, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty không chỉ chịu thiệt hại khi giá bán sản phẩm giảm mạnh mà còn gặp khó khăn về đầu vào khi giá thức ăn chăn nuôi liên tục tăng so với năm 2020. Trong đó, tăng mạnh nhất là các nguyên liệu thuộc nhóm ngũ cốc như bắp hạt, khô đậu nành, cám gạo, thức ăn hỗn hợp,... do chi phí sản xuất tăng cao, biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến mùa

màng. Đồng thời, giãn cách xã hội, thiếu tàu biển và container vận chuyển các mặt hàng khiến chi phí vận chuyển tăng cao.

Ban lãnh đạo đã có những giải pháp tiết giảm chi phí nhằm gia tăng lợi nhuận cho Công ty. Dolico tăng cường thực hiện liên kết chuỗi để tiết kiệm chi phí đầu vào, sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, nguồn phụ phẩm nông - lâm nghiệp để hạn chế bị động khi có biến động.

RỦI RO DỊCH BỆNH Ở VẬT NUÔI

Hiện nay, dịch tả lợn châu Phi vẫn còn xảy ra ở một số địa phương và những nơi dịch đã được khống chế vẫn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trở lại gây thiệt hại cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tính đến ngày 22/12/2021, cả nước không còn dịch lợn tai xanh và dịch lở mồm long móng. Cùng với đó, diễn biến thời tiết thất thường, lúc nắng

thì biên nhiệt độ cao, lúc mưa thì lượng mưa dồn dập liên tục, làm vi khuẩn có cơ hội tăng cao khiến dịch bệnh theo mùa cũng phát triển mạnh.

Để giảm thiểu rủi ro do dịch bệnh gây ra, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp phòng, chống dịch bệnh như vệ sinh chuồng trại, phun thuốc khử trùng, kiểm tra y tế đàn lợn

thường xuyên, tiêm vắc xin phòng dịch,... Công ty đã áp dụng hệ thống chăn nuôi khép kín, mỗi trại chăn nuôi chỉ có một chức năng chuyên biệt: trại chăn nuôi nái sinh sản, trại chăn nuôi heo thịt,... giúp tối ưu được năng suất, hạn chế sự lây nhiễm chéo trong đàn.

**RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG**

Ngoài những rủi ro nêu trên thì Công ty cũng phải gánh chịu một số rủi ro bất khả kháng như là thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn lao động,... gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Chính vì thế, Công ty đã có những biện pháp chủ động trong việc phòng ngừa các rủi ro này bằng các hợp đồng bảo hiểm về tài sản cũng như con người để hạn chế thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra.



2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

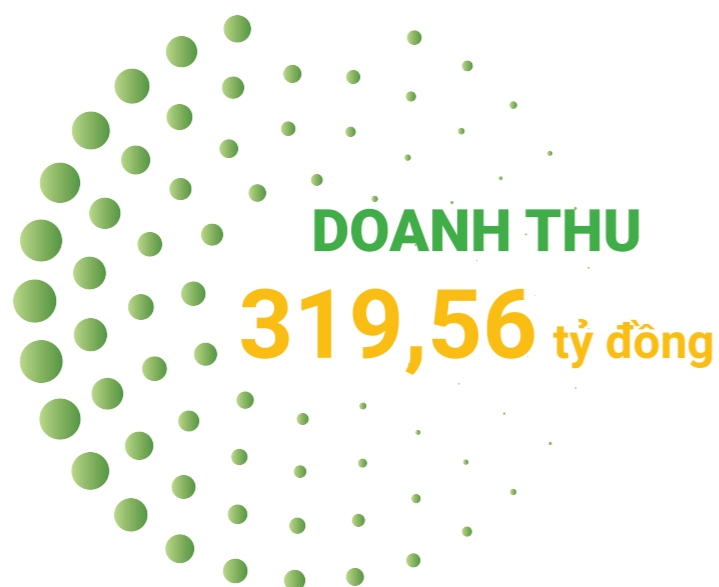
STT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% (+/-) 2021/2020
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
	Doanh thu từ hoạt động chính	347.266	97,66%	312.810	97,89%	+9,92%
1	Doanh thu từ heo giống	427	0,12%	-	-	-
	Doanh thu từ heo thịt	346.839	97,54%	312.810	97,89%	-9,81%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	8.329	2,34%	6.754	2,11%	-18,91%
3	Tổng doanh thu	355.595	100%	319.564	100%	-10,13%

Kết thúc năm 2021, đại dịch Covid-19 vẫn còn phức tạp với nhiều biến chủng mới, làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Ngành chăn nuôi, cụ thể là chăn nuôi heo, phải đối mặt với nhiều khó khăn khi vừa phải phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi và bị ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi chậm lại, giá bán giảm trong khi giá thức ăn chăn nuôi liên tục tăng khiến các hoạt động kinh doanh của Công ty chững lại.

Cơ cấu doanh thu năm 2021 của Công ty không có nhiều thay đổi so với năm 2020. Doanh thu từ hoạt

động sản xuất kinh doanh (chăn nuôi heo giống và heo thịt) của Dolico đạt 312,81 tỷ đồng, giảm 9,92% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu, duy trì ở mức 97,89%. Doanh thu từ hoạt động chăn nuôi heo giống năm 2021 không ghi nhận doanh thu.

Bên cạnh đó, doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty đạt 6,75 tỷ đồng, chiếm 2,11% tổng doanh thu và giảm 18,9% so với cùng kỳ chủ yếu do khoản lãi tiền gửi, lãi cho vay đạt 6,72 tỷ đồng, giảm 19,26% so với năm 2020.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	TH 2021	% (+/-) TH/KH 2021	% (+/-) TH 2021/2020
Sản lượng	Tấn	4.603	4.200	5.361	27,64%	16,47%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	355.596	270.000	319.564	+18,36%	-10,13%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	161.599	51.500	71.275	+38,40%	-55,89%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	136.827	43.335	60.245	+39,02%	-55,97%
Nộp ngân sách	Triệu đồng	26.092	9.058	20.656	+128,04%	-20,83%
Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL	%	82,96%	30%	48%	+18,00%	-34,96%

(*): Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL dự kiến năm 2021 là 48% và được trình ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

Căn cứ vào tình hình khó khăn thực tế của các đơn vị chăn nuôi, cân nhắc nội tại của Công ty, Dolico đã đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu đều giảm mạnh so với thực hiện năm 2020.

Năm 2021, các chỉ tiêu thực hiện đều đạt và vượt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng doanh thu ghi nhận 319,56 tỷ đồng vượt 18,36% so với kế hoạch và thấp hơn 10,13% so với năm 2020 chủ yếu do tác động của dịch bệnh Covid-19, nhu cầu của người tiêu dùng giảm, nguồn heo giống không đủ để tái đàn sau dịch tả heo châu Phi và cạnh tranh gay gắt từ các tập đoàn đầu tư chăn nuôi trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục phải đối mặt với sự biến

động giá thức ăn chăn nuôi tăng cao. Do đó, lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Dolico năm 2021 lần lượt đạt 71,28 tỷ đồng (tăng 38,40% so với kế hoạch, giảm 55,89% so với cùng kỳ) và 60,25 tỷ đồng (tăng 39,02 tỷ đồng, giảm 55,97% so với năm 2020). Nộp ngân sách đạt 20,66 tỷ đồng tăng 128,04% so với kế hoạch và giảm 20,83% so với năm 2020.

Trong năm 2021, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 86,96% vốn điều lệ. Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 48% tăng 18% so với mức 30% kế hoạch.



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nguyễn Diên Tường	Giám đốc	1.500.000	14,61%	13.400	0,13%
2	Trần Minh Phương	Phó Giám đốc	1.500.000	14,61%	67.800	0,66%
3	Đình Ngọc Mến	Kế toán trưởng	-	-	3.400	0,03%

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN DIÊN TƯỜNG

Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc

Ngày sinh : 03/02/1962
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế Kỹ thuật
Quá trình công tác :

- 03/1982 - 05/1994 : Cán bộ tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 06/1994 - 08/2005 : Phó giám đốc tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 09/2005 - 04/2007 : Phó giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 05/2007 - nay : Phó Chủ tịch HĐQT – Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VDL;
- Sở hữu cá nhân: 13.400 cổ phần, chiếm 0,13% VDL.

ÔNG TRẦN MINH PHƯƠNG

Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc

Ngày sinh : 16/012/1963
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :

- 08/1984 - 09/1987 : Nhân viên tại Công ty Kinh doanh Lương thực tỉnh Đồng Nai
- 10/1987 - 08/2005 : Nhân viên Kế toán tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 09/2005 - 09/2006 : Kế toán Tổng hợp tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 10/2006 - 04/2019 : Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 04/2019 - nay : Thành viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VDL;
- Sở hữu cá nhân: 67.800 cổ phần, chiếm 0,66% VDL.

ÔNG ĐÌNH NGỌC MẾN

Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

Ngày sinh : 09/01/1976
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác :

- 04/2004 - 09/2005 : Thủ kho tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 10/2005 - 05/2016 : Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 06/2016 - 04/2019 : Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 04/2019 - nay : Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

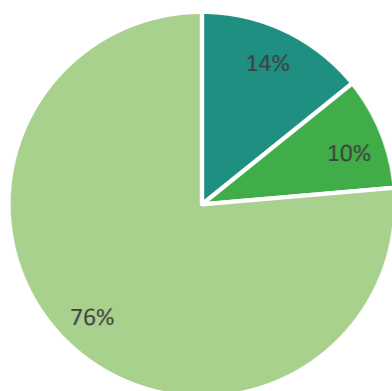
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm 0,03% VDL.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tại thời điểm 31/12/2021

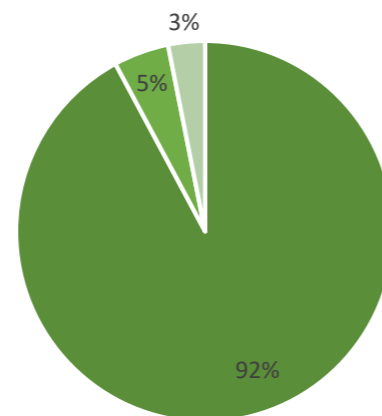
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ chuyên môn	127	100%
1	Đại học, trên đại học	18	14,17%
2	Cao đẳng, trung cấp	12	9,45%
3	Trình độ khác	97	76,38%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	127	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	117	92,13%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	6	4,72%
3	Hợp đồng theo thời vụ	4	3,15%

Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn



- Đại học, trên đại học
- Cao đẳng, trung cấp
- Trình độ khác

Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng lao động



- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng có thời hạn xác định
- Hợp đồng theo thời vụ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là ưu tiên hàng đầu của Công ty với chủ trương tạo điều kiện giúp mỗi cá nhân phát triển nghề nghiệp, đồng thời xây dựng một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp. Cán bộ công nhân viên Công ty đều có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo tính chất của từng bộ phận. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa học đào tạo nội bộ. Dolico cũng khuyến khích nhân viên học hỏi lẫn nhau trong quá trình công tác. Từ đó, Nhân sự được đào tạo bài bản sẽ mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp.

Về tuyển dụng

Nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Dolico. Nguyên tắc tuyển dụng của Dolico là “đúng người – đúng thời điểm” nhằm chọn những cá nhân tốt nhất đảm bảo chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Tùy theo từng vị trí mà Dolico đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao. Chính sách tuyển dụng luôn được xem xét trên quan điểm công tâm, công khai, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính.

Môi trường công việc

Dolico luôn duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, cạnh tranh lành mạnh. Nhân viên mới vào làm sẽ được hướng dẫn thích nghi với văn hóa Công ty và nắm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của bản thân trong môi trường chung để làm việc một cách thoải mái nhất. Dolico quản lý nhân sự công bằng, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa nhân viên với nhau, nâng cao năng suất làm việc.

Về lương, thưởng

Chính sách lương, thưởng giúp nhân viên ổn định đời sống. Dolico xây dựng quy chế lương, thưởng rõ ràng, chính sách tăng lương theo năng lực, cấp bậc, thâm niên. Công ty nỗ lực nâng mức thu nhập của cán bộ công nhân viên cạnh tranh với các Công ty khác trong ngành. Chế độ tiền lương của Dolico đảm bảo công bằng, hợp lý, phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu suất, chất lượng của từng nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty còn áp dụng chính sách thưởng nhằm động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực cống hiến và phấn đấu hết mình vì sự phát triển của Dolico.

Về phúc lợi, đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ luôn được Công ty liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó lâu dài và duy trì văn hóa Dolico. Công ty luôn thực hiện chi trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo đúng thời gian quy định. Tất cả người lao động trong Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ. Công ty cũng có những chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,... Các hoạt động thể thao, văn nghệ, tổ chức chúc mừng sinh nhật cho cán bộ công nhân viên, các hoạt động vì cộng đồng,... nhằm tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, thân thiện giữa các nhân viên.

song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao. Chính sách tuyển dụng luôn được xem xét trên quan điểm công tâm, công khai, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính.

lương của Dolico đảm bảo công bằng, hợp lý, phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu suất, chất lượng của từng nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty còn áp dụng chính sách thưởng nhằm động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực cống hiến và phấn đấu hết mình vì sự phát triển của Dolico.

cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,... Các hoạt động thể thao, văn nghệ, tổ chức chúc mừng sinh nhật cho cán bộ công nhân viên, các hoạt động vì cộng đồng,... nhằm tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, thân thiện giữa các nhân viên.

chính sách đãi ngộ luôn được Công ty liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó lâu dài và duy trì văn hóa Dolico. Công ty luôn thực hiện chi trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo đúng thời gian quy định. Tất cả người lao động trong Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ. Công ty cũng có những chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,... Các hoạt động thể thao, văn nghệ, tổ chức chúc mừng sinh nhật cho cán bộ công nhân viên, các hoạt động vì cộng đồng,... nhằm tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, thân thiện giữa các nhân viên.

chính sách đãi ngộ luôn được Công ty liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó lâu dài và duy trì văn hóa Dolico. Công ty luôn thực hiện chi trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo đúng thời gian quy định. Tất cả người lao động trong Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ. Công ty cũng có những chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,... Các hoạt động thể thao, văn nghệ, tổ chức chúc mừng sinh nhật cho cán bộ công nhân viên, các hoạt động vì cộng đồng,... nhằm tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, thân thiện giữa các nhân viên.

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm, Công ty chỉ sửa chữa chuồng trại, thay hệ thống mái tôn, dàn lạnh, chuồng lồng, hệ thống quạt,... để phục vụ kịp thời cho công tác sản xuất.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai không có Công ty con, Công ty liên kết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% (+/-) 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	290.951	257.574	-11,47%
2	Doanh thu thuần	347.267	312.810	-9,92%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	161.608	71.275	-55,90%
4	Lợi nhuận khác	-9	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	161.599	71.275	-55,89%
6	Lợi nhuận sau thuế	136.827	60.245	-55,97%
7	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL (%)	82,96%	48%	-42,14%

(*): Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL dự kiến năm 2021 là 48% và được trình ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

Trước biến động của nền kinh tế, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có sự sụt giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 312,8 tỷ đồng, giảm 9,92% so với năm 2020 chủ yếu do tác động của dịch Covid-19 ở người làm giảm nhu cầu heo thịt, việc vận chuyển, tiêu thụ gặp nhiều khó khăn và dịch tả lợn châu Phi làm giảm số lượng đàn heo. Lợi nhuận từ hoạt động kinh

doanh ghi nhận 71,28 tỷ đồng giảm 55,90 so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế của Dolico đạt 60,25 tỷ đồng, giảm 42,14% so với cùng kỳ. Tuy không đạt được như cùng kỳ nhưng đây cũng là kết quả đáng khích lệ. Để đạt được kết quả này là nhờ vào tinh thần đoàn kết và đồng thuận cao của ban lãnh đạo và toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

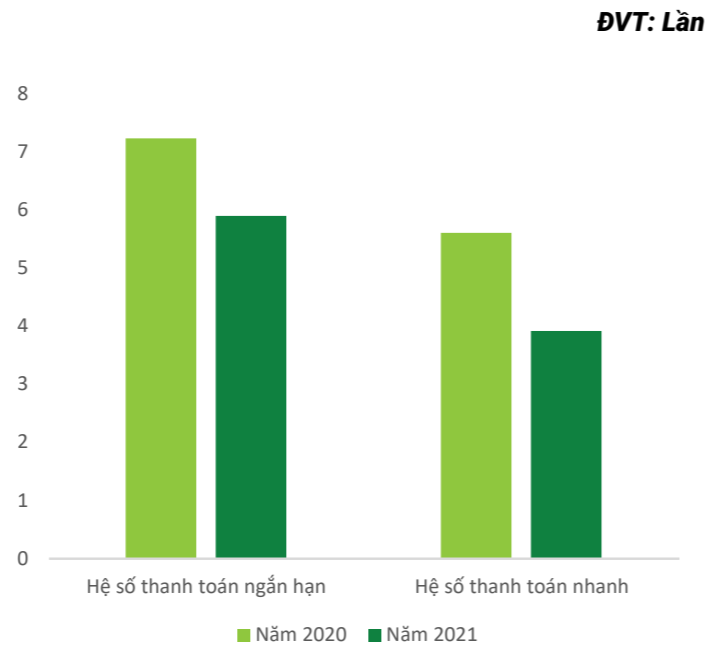
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	7,23	5,90
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	5,61	3,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	10,36	12,64
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,15	14,47
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	4,07	4,18
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,37	1,14
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	39,40	19,26
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	60,83	24,80
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	54,08	21,97
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	46,54	22,79



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

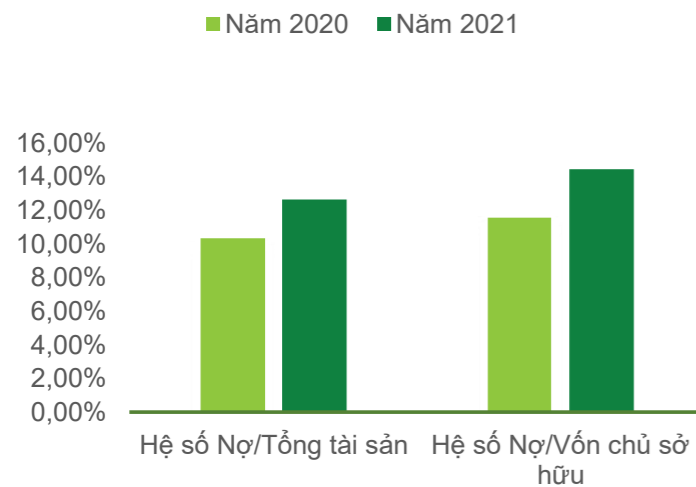
Tại ngày 31/12/2021, các hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đều giảm. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 7,23 lần còn 5,9 lần, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 5,61 lần còn 3,92 lần. Nguyên nhân do tài sản ngắn hạn giảm 11,78% so với cùng kỳ, trong đó khoản tiền gửi có kỳ hạn 1-3 tháng giảm 52,63% so với năm 2020 và khoản tiền gửi có kỳ hạn giảm 20,28% so với năm 2020. Đồng thời, nợ ngắn hạn đạt 32,55 tỷ đồng, tăng 8,04% so với cùng kỳ chủ yếu do khoản phải trả cho CTCP Thức ăn Chăn nuôi Rico Đồng Nai, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô,... tăng 419,51% so với cùng kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng 34,95% và quỹ khen thưởng phúc lợi tăng 61,27% so với cùng kỳ.



ĐVT: %

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

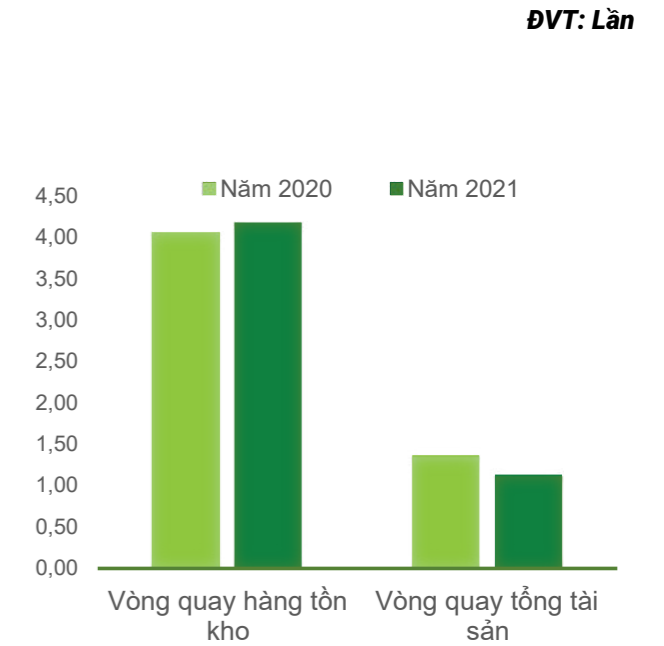
Hệ số Nợ trên Tổng tài sản và Hệ số Nợ trên Vốn chủ sở hữu đều tăng, đạt lần lượt là 12,64% và 14,47%. Vào ngày kết thúc năm 2021, tổng tài sản của Dolico giảm 11,47% so với cùng kỳ do trong năm Công ty khấu hao tài sản cố định là nhà cửa, máy móc, thiết bị, phương tiện đi lại, truyền dẫn. Vốn chủ sở hữu giảm 13,72% do lợi nhuận chưa phân phối giảm 37,23% so với năm 2020 và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định giảm 25% so với cùng kỳ. Trong khi đó, tổng nợ của Dolico tăng 8,04% chủ yếu do tăng nợ ngắn.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng từ 4,07 vòng lên 4,18 vòng. Trong năm 2021, do thực hiện lệnh giãn cách xã hội, khó khăn trong khâu vận chuyển, tiêu thụ nên nguyên vật liệu đạt 6,26 tỷ đồng tăng 9,95% so với cùng kỳ và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đạt 58,33 tỷ đồng, tăng 34,95% so với năm 2021 nên hàng tồn kho tăng thêm 64,59 tỷ đồng, tăng 32,04% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán đạt 236,95 tỷ đồng, tăng 26,77% so với năm 2020 và tăng nhiều hơn bình quân hàng tồn kho nên vòng quay hàng tồn kho tăng.

Bên cạnh đó, do tình hình kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn nên doanh thu thuần giảm 9,92% so với năm 2020. Tổng tài sản của Dolico giảm 11,47% so với cùng kỳ do trong năm Công ty khấu hao tài sản cố định. Chính vì doanh thu thuần giảm nhiều hơn tổng tài sản bình quân nên chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,37 vòng còn 1,14 vòng.

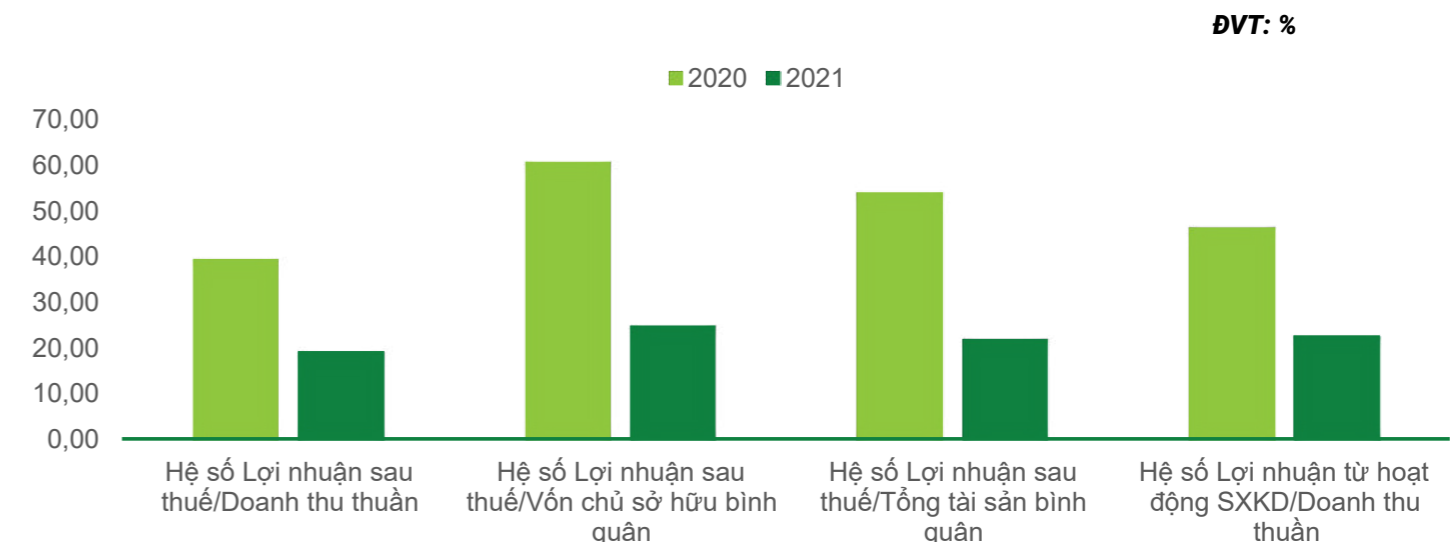


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2021, do thực hiện lệnh giãn cách để phòng chống dịch bệnh, hoạt động vận chuyển và tiêu thụ khó khăn, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, giá cả đầu ra giảm mạnh và phát sinh thêm chi phí phòng dịch Covid-19 nên doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt giảm 9,92% và 55,97%. Các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty đều sụt giảm:

- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần đạt 19,26%;
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu đạt 24,80%;
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân đạt 21,97%;
- » Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên Doanh thu thuần đạt 22,79%.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song Công ty đã cố gắng tiết giảm hầu hết các chi phí nhằm giúp cải thiện phần nào kết quả kinh doanh của Dolico.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 10.263.942 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 10.263.942 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Trong nước	10.263.942	102.639.420.000	100%
1	Cá nhân	1.590.900	15.909.000.000	15,50%
2	Tổ chức	8.673.042	86.730.420.000	84,50%
II	Nước ngoài	-	-	-
Tổng cộng (I+II)		10.263.942	102.639.420.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – Một thành viên Công ty TNHH	8.654.142	84,32%
2	Lê Thị Khánh Xương	810.000	7.89%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Môi trường là không gian, nơi ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, cung cấp tài nguyên thiên nhiên phục vụ cuộc sống của con người. Nhận thức được điều đó, Dolico luôn đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Công ty luôn chủ động kiểm soát, xử lý chất thải chăn nuôi, giữ vững được an toàn sinh học, tăng cường sức khỏe đàn giống. Khuôn viên chuồng tại các cơ sở được đầu tư xây dựng bài bản, có hệ thống thu gom xử lý chất thải đồng bộ, các khu chuồng nuôi đều có hệ thống làm mát, hệ thống

hút gió, hút mùi... giữ cho chuồng chăn nuôi luôn khô thoáng, hạn chế tối đa mùi phát tán ra môi trường. Ngoài ra, Công ty còn chủ trương ưu tiên sử dụng các sản phẩm tái chế, hạn chế sử dụng túi nilon, trồng nhiều cây xanh, tiết kiệm điện tại văn phòng,...

Đồng thời, Công ty phổ biến rộng rãi chính sách bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên để nhân cao nhận thức của mọi người.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm, Công ty luôn chấp hành và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty thực hiện đúng các cam kết và quy định trong công tác bảo vệ môi trường, hướng đến hình ảnh thân thiện với môi trường.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	127	126	127	127
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.200.000	9.800.000	12.780.000	13.610.000

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ban lãnh đạo Công ty chủ trương xây dựng chính sách nhân sự tạo cơ hội bình đẳng cho mọi cá nhân có năng lực được thăng tiến trong sự nghiệp. Công ty tiếp tục duy trì các chính sách nâng lương, thưởng thành tích, thăng chức,... qua năng suất lao động. Hàng năm, Công ty luôn duy trì thực hiện khám sức khỏe định kỳ để đảm bảo sức khỏe cho nhân viên. Toàn bộ người lao động trong Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được trả lương đúng hạn và được hưởng chế độ bảo hiểm theo đúng quy định của Pháp luật. Bên

cạnh đó, Công ty còn chăm lo cuộc sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường làm việc tốt nhất để nhân viên có một cuộc sống ổn định, đầy đủ, sung túc, hạnh phúc và cùng nhau phát triển.

Với tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Ban lãnh đạo Công ty quyết liệt chỉ đạo người lao động thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống dịch bệnh, khối văn phòng Công ty chuyển sang làm việc trực tuyến,...



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, Công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng. Hàng năm, Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động do UBND, Sở và các Ban ngành tổ chức, các chương trình hỗ trợ đời sống người dân địa bàn, khu vực tỉnh Đồng Nai;

tích cực hưởng ứng và ủng hộ các phong trào, chương trình phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt,... Công ty cũng thường tổ chức các hoạt động xã hội cộng đồng, tham gia các hoạt động xã hội từ thiện; thăm viếng, tặng quà các hoàn cảnh cảnh khó khăn,...

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Dolico rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2021

Thuận lợi

- » Được sự quan tâm và chỉ đạo của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai;
- » HĐQT và BKS chủ động trong công việc điều hành, quản lý, sản xuất, chăm lo đời sống người lao động;
- » Sự đoàn kết của người lao động trong Công ty.

Khó khăn

- » Tình hình dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vẫn còn rất phức tạp, do chưa có vaccine nên việc kiểm soát dịch còn nhiều khó khăn, vẫn còn phụ thuộc nhiều vào an toàn sinh học;
- » Nguyên liệu chính thức ăn gia súc như bắp, cám gạo, khô đậu nành tăng đáng kể so với năm trước;
- » Diễn biến thời tiết cũng rất phức tạp, lúc nắng, lúc mưa làm vi khuẩn tăng cao, làm dịch bệnh theo mùa phát triển mạnh, làm chi phí phòng dịch tăng cao;
- » Việc cung cấp đủ lượng nước cho đàn heo duy trì trong mùa khô ngày càng khó khăn khi mà mạch nước ngầm ngày càng thấp đi;
- » Hiện tại, Công ty đã có hệ thống nước thải tại các đơn vị trực thuộc nhưng mật độ dân số trên địa bàn ngày càng tăng ảnh hưởng đến vùng đã quy hoạch nuôi ;
- » Địa bàn rộng các trại chăn nuôi cũng các xa nhau làm tăng chi phí vận chuyển thức ăn gia súc, dự trữ nguyên liệu; kiểm tra đôn đốc, giám sát,..;
- » Tình hình an ninh trật tự và bảo vệ tài sản tại các cơ sở chăn nuôi khá phức tạp;
- » Dịch Covid-19 diễn ra phức tạp, gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty.



Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% (+/-) 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	217.828	192.176	-11,78%	74,87%	74,61%
Tài sản dài hạn	73.123	65.398	-10,56%	25,13%	25,39%
Tổng tài sản	290.951	257.574	-11,47%	100%	100%

Tại ngày 31/12/2021, tổng tài sản của Dolico ghi nhận 257,57 tỷ đồng, giảm 11,47% so với cùng kỳ. Cơ cấu tổng tài sản của Công ty không biến động nhiều. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 192,18 tỷ đồng, chiếm 74,61% cơ cấu tổng doanh thu, giảm 11,78% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 – 3 tháng giảm 52,63% so với cùng kỳ còn lại 9 tỷ đồng, tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng giảm 20,28% so với năm 2021 còn 114 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% (+/-) 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	30.133	32.555	+8,04%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	0,00%
Tổng nợ phải trả	30.133	32.555	+8,04%	100%	100%

Tại ngày kết thúc năm 2021, tổng nợ phải trả của Công ty ghi nhận 32,56 tỷ đồng. Do Dolico không có nợ dài hạn nên tổng nợ tăng 8,04% đến từ việc tăng nợ ngắn hạn. Khoản nợ ngắn hạn tăng lên chủ yếu do tăng khoản phải trả 2,45 tỷ đồng, tăng 164,44% so với cùng kỳ từ CTCP Thức ăn Chăn nuôi Rico Đồng Nai, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô, CTCP Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc,... Đồng thời, Công ty phát sinh 358,79 triệu đồng tiền người mua trả tiền trước. Quỹ khen thưởng phúc lợi đạt 11,26 tỷ đồng tăng 61,27%.

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện những cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý. Công ty đã tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng Công ty, chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban, thiết kế hệ thống các vị trí công việc theo xu hướng thị trường.

Công tác bồi dưỡng cán bộ được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty khẩn trương nâng cao năng

lực quản trị, thông qua các báo cáo, Ban lãnh đạo có những điều chỉnh chính sách phù hợp, kịp thời, cắt giảm lãng phí và nâng cao năng suất.

Trong thời gian qua, mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, Công ty đã quyết liệt, khẩn trương ban hành các chỉ đạo nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- » Đảm bảo không tái bùng phát dịch bệnh ở vật nuôi;
- » Phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng, doanh thu, lợi nhuận được giao;
- » Tăng lương cho người lao động;
- » Thực hiện tốt các chính sách người lao động;
- » Nộp ngân sách đầy đủ theo quy định của Pháp luật;
- » Chú trọng công tác an ninh, bảo vệ tài sản của Công ty, An toàn lao động, Phòng chống cháy nổ, tích cực tuyên truyền toàn thể cán bộ công nhân viên nâng cao chống tiêu cực, lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- » Căn cứ vào tình hình nội tại và những dự báo về thị trường, Dolico xây dựng chỉ tiêu kế hoạch như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Sản lượng	Tấn	4.450
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	231.675
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.000
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	5.000
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	%	6

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- » Tiếp tục tuyên truyền đến toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty thực hiện nghiêm túc nguyên tắc 5k để phòng, chống dịch bệnh Covid-19;
- » Quán triệt đến các trại chăn nuôi thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc để ổn định sản xuất;
- » Tổ chức sản xuất thực hiện áp dụng các biện pháp, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tiên tiến, phát huy cải tiến trong sản xuất để tăng năng suất lao động và đảm bảo sản phẩm chất lượng tốt, cạnh tranh được trên thị trường;
- » Tăng khâu tiếp thị bán hàng để tăng doanh thu và thu nhập cho đơn vị;
- » Tại các cơ sở sản xuất luôn đảm bảo công tác An toàn thực phẩm, An toàn lao động, Phòng chống cháy nổ, thực hiện tốt vệ sinh môi trường luôn sạch sẽ, hoạt động đồng bộ phục vụ tốt nhất cho sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- » Công ty chăm lo đời sống cho người lao động, đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập để người lao động an tâm, gắn bó làm việc dài lâu với đơn vị.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Không có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG



Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội. Mục tiêu phát triển Công ty, kinh doanh tạo lợi nhuận luôn song hành cùng mục tiêu bảo vệ môi trường. Do đó quản lý môi trường trong chăn nuôi đang trở thành vấn đề cấp thiết, cần phải được nghiên cứu và hoàn thiện. Công ty đưa ra chính sách phát triển chăn nuôi bền vững gắn liền với môi trường, hạn chế tối đa mức độ gây ô nhiễm và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường người lao động.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng việc thu hút nhân tài có trình độ chuyên môn. Tại Dolico, người lao động được làm việc trong môi trường năng động và chuyên nghiệp. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa học ngắn hạn để nâng cao trình độ chuyên môn. Công ty luôn chú trọng áp dụng các giải pháp khuyến khích người lao động chuyên cần, tăng năng suất. Cùng với đó, Công ty tiếp tục duy trì các chính sách nâng lương, thưởng thành tích, thăng cấp,... nhằm tạo động lực làm việc cho nhân viên. Định kỳ, Dolico tạo điều kiện cho người lao động được khám sức khỏe. Công tác tiền lương, thưởng được Công ty thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật. Ngoài ra, Dolico còn tổ chức các đợt tham quan, du lịch để người lao động được thư giãn, tái tạo sức lao động, tạo không khí vui vẻ và tăng sự gắn kết giữa các nhân viên trong Công ty.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2021, bên cạnh những hoạt động xúc tiến kinh doanh gắn liền với lợi nhuận, Dolico cũng quan tâm đến các mục tiêu, chính sách liên quan đến cộng đồng địa phương. Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương và vận động người lao động tham gia các hoạt động thiện nguyện,

thăm hỏi các gia đình chính sách, có công với cách mạng, người có hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn,... Công ty còn gây quỹ từ thiện, trao học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh vượt khó, có thành tích tốt trong học tập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- » Tiếp tục đầu tư vực ngành nghề chính là phát triển chăn nuôi heo, tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi để tăng sức cạnh tranh trên thị trường;
- » Tiết kiệm chi tiêu và quản lý chặt chi phí trong sản xuất, đưa ra các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn heo và trên con người để giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- » Phối hợp cùng Ban Kiểm soát công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính và thu hiệu quả cho Công ty;
- » Công khai minh bạch hóa các hoạt động rõ ràng đúng quy định của pháp luật; chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, nâng cao hiệu quả của sử dụng đồng vốn và bảo toàn vốn trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÔNG TÁC NHÂN LỰC

- » Để ổn định và phát triển lâu dài, Hội đồng quản cùng Ban Giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ thỏa ước lao động tập thể, thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên;
- » Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, vận dụng các chế độ ưu đãi để thu hút lao động có trình độ, tay nghề giỏi phục vụ lâu dài cho công ty;
- » Khuyến khích người lao động phấn đấu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.



CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU

- » Mở rộng thị phần trong tỉnh và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Bình Phước, các tỉnh miền tây, TP. Hồ Chí Minh...;
- » Chính sách bán hàng tùy theo từng giai đoạn, Ban Giám đốc đề ra chương trình thực hiện hậu mãi phù hợp với từng đối tượng khách hàng mua sản phẩm Dolico;
- » Tăng cường quảng cáo sản phẩm Dolico trên Website, báo, đài, truyền hình, các hội thảo, diễn đàn chăn nuôi,...

CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG

- » Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường;
- » Hoạt động xử lý nước thải theo đúng quy định của Pháp luật;
- » Đảm bảo diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn để tạo sự thoáng mát, cải thiện điều kiện khí hậu, ngăn bụi và giảm thiểu tiếng ồn;
- » Tuyên truyền, nâng cao ý thức người lao động thông qua các hoạt động đào tạo, truyền thông nội bộ.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.

Trong hoạt động sản xuất chăn nuôi heo của Công ty gặp nhiều khó khăn, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực khắc phục, năng động, linh hoạt, điều chỉnh kịp thời và có nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời tháo gỡ khó khăn về lao động, về quy mô đàn heo, sử dụng tối ưu hóa nguồn vốn và cơ sở vật chất hiện có, mục tiêu chính là ưu

tiên tất cả nguồn lực cho sự phát triển chăn nuôi của đơn vị.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực cố gắng vượt qua những khó khăn trong diễn biến bất lợi của dịch tả lợn Châu Phi để bảo vệ đàn heo, bảo toàn nguồn vốn. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện công tác quản trị điều hành chỉ đạo các cơ sở ổn định sản xuất trong năm 2021 tạo đà cho việc phát triển chăn nuôi bền vững cho những năm tiếp theo.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng quản trị Công ty;
- » Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- » Tập trung chỉ đạo phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những tồn tại, khó khăn trong thời gian qua để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- » Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty;
- » Chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty;
- » Tiếp tục duy trì các phiên họp thường kỳ, ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận chiến lược kinh doanh, kịp thời định hướng và điều chỉnh hoạt động của công ty để phù hợp với tình hình thị trường, thông qua các báo cáo, kế hoạch kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.



5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát



**THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Đình Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	4.154.142	40,47%	0	0,00%
2	Nguyễn Diên Tường	Phó chủ tịch HĐQT	1.500.000	14,61%	13.400	0,13%
3	Trần Minh Phương	Thành viên HĐQT	1.500.000	14,61%	67.800	0,66%
4	Đình Ngọc Mến	Thành viên HĐQT	0	0,00%	3.400	0,03%
5	Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT	0	0,00%	35.600	0,35%

➤ Ông ĐÌNH VĂN HỒNG – Chủ tịch HĐQT**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

- Đại diện sở hữu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 4.154.142 cổ phần, chiếm 40,47% VDL
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn.

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

➤ Ông NGUYỄN DIÊN TƯỜNG – Phó chủ tịch HĐQT**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

- Đại diện sở hữu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61%
- Sở hữu cá nhân: 13.400 cổ phần, chiếm 0,13%

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có**➤ Ông TRẦN MINH PHƯƠNG – Thành viên HĐQT****Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

- Đại diện sở hữu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VDL
- Sở hữu cá nhân: : 67.800 cổ phần, chiếm 0,66% VDL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có**➤ Ông ĐÌNH NGỌC MẾN – Thành viên HĐQT****Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có**➤ Ông LÂM HÙNG PHƯƠNG – Thành viên HĐQT****Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 35.600 cổ phần, chiếm 0,35% VDL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có**DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM**

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Thị Khánh Xương	Thành viên HĐQT	29/08/2005	08/06/2021
2	Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT	08/06/2021	

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- » Hội đồng quản trị giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- » Ban hành kịp thời các quyết định, nghị quyết, văn bản phê duyệt các quy định, quy chế để chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;
- » Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật;
- » Chỉ đạo giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban giám đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị;
- » Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị, đồng thời qua các buổi họp Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo;
- » Với sự nỗ lực trong điều hành sản xuất của Ban Giám đốc và tình hình tiêu thụ sản phẩm trên thị trường năm 2021 gặp nhiều khó khăn về dịch bệnh trên đàn gia súc và dịch Covid-19 trên cả nước gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, nhưng tập thể cán bộ công nhân viên đã phấn đấu vượt qua khó khăn, đạt hiệu quả cao về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận trong năm 2021


CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đình Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2	Nguyễn Diên Tường	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
3	Trần Minh Phương	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
4	Đình Ngọc Mến	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
5	Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT	3/5	60%	Bổ nhiệm ngày 08/06/2021
6	Lê Thị Khánh Xương	Thành viên HĐQT	2/5	40%	Miễn nhiệm ngày 08/06/2021

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01/NQ-HĐQT	16/04/2021	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2021, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý II năm 2021
02/NQ-HĐQT	17/05/2021	Thống nhất chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
03/NQ-HĐQT	31/8/2021	Thông qua kết quả SXKD 06 tháng đầu năm 2021, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý III năm 2021
04/NQ-HĐQT	30/11/2021	Thông qua kết quả SXKD 09 tháng đầu năm 2021, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý IV năm 2021

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Hoàng Ngọc Long	Trưởng Ban kiểm soát	0	0,00%	1.200	0,01%
2	Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên Ban kiểm soát	1.500.000	14.61%	0	0,00%
3	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	0	0,00%	0	0,00%

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Thị Vũ Hậu	Thành viên Ban kiểm soát		08/06/2021
2	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	08/06/2021	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:

- » Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021. Hoạt động của HĐQT đã tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị Công ty và các quy định pháp luật có liên quan, Ban giám đốc đã và đang triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- » Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các phòng ban chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp với bộ phận pháp chế của Công ty để góp ý xây dựng và ban hành các quy chế quản trị cũng như thường xuyên kiểm tra, rà soát tính tuân thủ của các bộ phận chuyên môn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Ngọc Long	Trưởng Ban kiểm soát	3/3	100%	
2	Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%	
3	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	2/3	67%	Bổ nhiệm ngày 08/06/2021
4	Trần Thị Vũ Hậu	Thành viên Ban kiểm soát	1/3	33%	Miễn nhiệm ngày 08/06/2021

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Ban kiểm soát đã tổ chức 3 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/BKS	19/03/2021	Thẩm định Báo cáo tài chính 2020
2	02/BKS	31/8/2021	Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2021
3	03/BKS	30/11/2021	Thẩm định Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2021





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng
Hội đồng quản trị					
1	Đình Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	15.000.000
2	Nguyễn Diên Tường	Phó chủ tịch HĐQT	-	66.000.000	-
3	Trần Minh Phương	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-
4	Đình Ngọc Mến	Thành viên HĐQT	239.177.280	60.000.000	190.218.185
5	Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 08/06/2021)	-	35.000.000	-
6	Lê Thị Khánh Xương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/06/2021)	-	25.000.000	35.000.000
Ban kiểm soát					
1	Hoàng Ngọc Long	Trưởng Ban kiểm soát	195.006.154	-	122.522.400
2	Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	8.000.000
3	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	-	28.000.000	8.000.000
Ban điều hành					
1	Nguyễn Diên Tường	Giám đốc	431.660.000	-	374.931.446
2	Trần Minh Phương	Phó Giám đốc	311.865.600	-	274.891.454

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Chia cổ tức cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 71.794.762.032 đồng

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính





Số: 290322.073 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		192.176.060.698	217.827.557.735
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	9.966.923.274	21.594.703.345
111	1. Tiền		966.923.274	2.594.703.345
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	19.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	114.000.000.000	143.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		114.000.000.000	143.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.619.988.231	4.317.990.239
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	180.000.000	188.492.500
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		85.000.000	30.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	3.444.988.231	4.099.497.739
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(90.000.000)	-
140	IV. Hàng tồn kho	08	64.589.149.193	48.914.864.151
141	1. Hàng tồn kho		64.589.149.193	48.914.864.151
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		65.398.389.452	73.123.126.499
220	II. Tài sản cố định		43.844.654.137	52.868.577.022
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	32.845.184.509	41.188.766.367
222	- Nguyên giá		110.112.609.719	110.039.709.719
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(77.267.425.210)	(68.850.943.352)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.999.469.628	11.679.810.655
228	- Nguyên giá		15.019.256.267	15.019.256.267
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.019.786.639)	(3.339.445.612)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		315.579.556	315.579.556
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	315.579.556	315.579.556
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.030.000.000	880.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.030.000.000	1.030.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(150.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		20.208.155.759	19.058.969.921
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	20.208.155.759	19.058.969.921
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		257.574.450.150	290.950.684.234



[Handwritten signature]

Trần Trung Hiếu
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Đào Trung Thành
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		32.554.737.112	30.133.481.802
310	I. Nợ ngắn hạn		32.554.737.112	30.133.481.802
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.454.105.001	928.030.152
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	358.789.480	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.130.983.045	4.638.388.451
314	4. Phải trả người lao động		10.341.065.599	10.860.558.072
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.010.271.158	6.724.752.163
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.259.522.829	6.981.752.964
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		225.019.713.038	260.817.202.432
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	224.389.713.038	259.977.202.432
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102.639.420.000	102.639.420.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		102.639.420.000	102.639.420.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		61.733.522.600	61.726.444.013
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		60.016.770.438	95.611.338.419
421b	LNST chưa phân phối năm nay		60.016.770.438	95.611.338.419
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		630.000.000	840.000.000
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		630.000.000	840.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		257.574.450.150	290.950.684.234

 Phan Thị Hiền Nhi
Người lập

 Đinh Ngọc Mẫn
Kế toán trưởng


 Nguyễn Diên Tường
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	312.809.536.000	347.266.754.650
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		312.809.536.000	347.266.754.650
11	4. Giá vốn hàng bán	20	236.953.560.616	186.917.429.254
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.855.975.384	160.349.325.396
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.754.446.849	8.328.863.868
22	7. Chi phí tài chính	22	(149.437.634)	24.718
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	37.847.500	39.845.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	11.446.627.502	7.030.143.531
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.275.384.865	161.608.176.015
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	9.100.000
40	13. Lợi nhuận khác		-	(9.100.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.275.384.865	161.599.076.015
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	11.030.614.427	24.771.969.596
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60.244.770.438	136.827.106.419
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	5.847	12.297

 Phan Thị Hiền Nhi
Người lập

 Đinh Ngọc Mẫn
Kế toán trưởng


 Nguyễn Diên Tường
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		71.275.384.865	161.599.076.015
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		9.096.822.885	9.882.121.871
03	- Các khoản dự phòng		(60.000.000)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		562.366	(513.607)
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.754.446.849)	(8.328.350.261)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		73.558.323.267	163.152.334.018
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(125.328.398)	28.168.840
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.674.285.042)	(6.000.962.943)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.125.840.614	2.465.747.739
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.149.185.838)	(4.100.117.504)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.271.969.596)	(24.842.794.482)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	11.920.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.614.827.135)	(5.448.960.806)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		37.848.567.872	125.265.334.862
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(72.900.000)	(1.364.300.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(287.500.000.000)	(294.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		316.500.000.000	211.500.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.487.777.255	7.561.419.669
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		36.414.877.255	(76.802.880.331)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(85.890.662.832)	(57.866.108.820)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(85.890.662.832)	(57.866.108.820)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(11.627.217.705)	(9.403.654.289)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.594.703.345	30.997.844.027
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(562.366)	513.607
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	9.966.923.274	21.594.703.345

Phan Thị Hiền Nhi
Người lập

Đinh Ngọc Mến
Kế toán trưởng



Nguyễn Diên Tường
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành Công ty cổ phần theo quyết định số 761/QĐ-CT-UBT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 02 năm 2005.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 102.639.420.000 đồng, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 102.639.420.000 đồng; tương đương 10.263.942 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 126 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 127 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi gia súc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo;
- Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm;
- Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi;
- Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến;
- Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt;
- Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Chế biến rau, củ, quả;
- Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi;
- Xây dựng địa ốc;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho;
- Bán buôn xe gắn máy;
- Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2021, nhu cầu tiêu thụ giảm nên giá thị trường của heo thịt thương phẩm giảm dẫn đến doanh thu năm 2021 giảm 34,46 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 9,92% so với năm 2020. Đồng thời, ngành chăn nuôi gặp khó khăn từ vấn đề nguyên liệu đầu vào tới kho vận, gồm giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, vận chuyển lưu thông tắc nghẽn vì các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 được triển khai tại các địa phương trên cả nước. Do đó, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 84,49 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 52,69% so với năm trước.

Đại dịch Covid-19 đang ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế và hầu hết các doanh nghiệp, ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3, Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phượng Vĩ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Xưởng chế biến thực phẩm	Số 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn gia súc
Trại heo giống Vĩnh Cửu	Tổ 11, Ấp 1, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Trại heo thịt thương phẩm Thạnh Phú	Tổ 8, Ấp 5, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng
Cửa hàng giới thiệu sản phẩm Dolico	Số 34, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Không sử dụng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc: Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 01 năm đến 03 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ trên 01 năm đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế
Theo khoản 5, điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập doanh nghiệp từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành
 Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động kinh doanh ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và mức thuế suất TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh thông thường cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Do Công ty tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh heo và hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	191.898.694	220.511.146
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	775.024.580	2.374.192.199
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	19.000.000.000
	9.966.923.274	21.594.703.345

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 9.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,4 %/năm đến 3,3 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	114.000.000.000	-	143.000.000.000	-
	114.000.000.000	-	143.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 114.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7 %/năm đến 5,5 %/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã chứng khoán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.030.000.000	1.050.600.000	1.030.000.000	880.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	1.030.000.000	1.050.600.000	1.030.000.000	880.000.000
	1.030.000.000	1.050.600.000	1.030.000.000	880.000.000

(*) Giá trị hợp lý tại ngày đầu năm và cuối năm của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa trên sàn UpCOM tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	- Tỉnh Đồng Nai	1,00%	1,00%	Thương mại - dịch vụ

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Túc Hưng	180.000.000	(90.000.000)	188.492.500	-
	180.000.000	(90.000.000)	188.492.500	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	983.105.204	-	1.716.435.610	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	112.794.640	-	91.240.000	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	21.148.995	-	17.107.500	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	11.405.000	-
Tạm ứng	13.000.000	-	-	-
Phải thu tiền các cổ đông về việc nộp ngân sách nhà nước (*)	2.215.470.774	-	2.215.470.774	-
Phải thu khác	99.468.618	-	47.838.855	-
	3.444.988.231	-	4.099.497.739	-

(*) Khoản tiền phải thu các cổ đông về việc nộp ngân sách nhà nước theo biên bản kiểm toán số 490/TB-KTNN KV XIII ngày 30/12/2019, Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và sẽ có quyết định xử lý tại cuộc họp Hội đồng quản trị sắp tới.

7 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Túc Hưng	180.000.000	90.000.000	-	-
	180.000.000	90.000.000	-	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.255.179.519	-	5.689.105.618	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.333.969.674	-	43.225.758.533	-
	64.589.149.193	-	48.914.864.151	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự án xây dựng khu dân cư Dolico xã Thạnh Phú	315.579.556	315.579.556
	315.579.556	315.579.556

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	93.305.113.628	4.601.206.803	12.133.389.288	110.039.709.719
- Mua trong năm	-	72.900.000	-	72.900.000
Số dư cuối năm	93.305.113.628	4.674.106.803	12.133.389.288	110.112.609.719
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	58.395.319.347	3.612.054.064	6.843.569.941	68.850.943.352
- Khấu hao trong năm	7.256.764.964	266.428.834	893.288.060	8.416.481.858
Số dư cuối năm	65.652.084.311	3.878.482.898	7.736.858.001	77.267.425.210
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	34.909.794.281	989.152.739	5.289.819.347	41.188.766.367
Tại ngày cuối năm	27.653.029.317	795.623.905	4.396.531.287	32.845.184.509

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.867.264.585 VND.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại xã Suối Cao và Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 15.009.127.514 VND và 4.019.786.639 VND, khấu hao đã trích trong năm 2021 là 680.341.027 VND.

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại xã Suối Cao huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có nguyên giá tại ngày 31/12/2021 là 10.128.753 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Giá trị đàn heo cơ bản	14.780.686.372	12.752.017.597
Chi phí thuê đất (*)	4.401.554.024	4.514.803.748
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	79.305.625	158.611.250
Chi phí chuồng, trại, chi phí sửa chữa và các chi phí khác tại các trại chăn nuôi	946.609.738	1.633.537.326
	20.208.155.759	19.058.969.921

(*) Công ty thuê đất tại địa chỉ Khu 3A xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 10/HĐTLĐ/2014 ngày 08/03/2014 giữa Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai và phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số 01/PLHĐTLĐ/2018 ngày 01/03/2018 để làm trại chăn nuôi heo, diện tích thuê là 84.892,3 m2, thời gian thuê từ tháng 01/2018 đến ngày 28/02/2061. Công ty trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thức Ăn Chăn Nuôi Rico Đồng Nai	1.064.256.000	1.064.256.000	204.856.000	204.856.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô	795.648.000	795.648.000	459.852.000	459.852.000
Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	451.568.000	451.568.000	-	-
Công ty Cổ phần Masan Meatlife	-	-	181.047.960	181.047.960
Phải trả các đối tượng khác	142.633.001	142.633.001	82.274.192	82.274.192
	2.454.105.001	2.454.105.001	928.030.152	928.030.152

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Ông Đồng Văn Đoàn	327.064.195	-
- Người mua trả tiền trước khác	31.725.285	-
	358.789.480	-

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm		
	VND		VND		VND		VND		VND		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		4.271.969.596		11.030.614.427		13.271.969.596		-		2.030.614.427
Thuế Thu nhập cá nhân	-		366.418.855		1.775.781.385		2.041.831.622		-		100.368.618
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		5.339.175.525		5.339.175.525		-		-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-		-
			4.638.388.451		18.148.571.337		20.655.976.743				2.130.983.045

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	67.721.070	67.721.070
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	741.000.000
- Phải trả ngân sách nhà nước (*)	5.885.731.093	5.885.731.093
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.818.995	30.300.000
	6.010.271.158	6.724.752.163

(*) Khoản tiền phải nộp về ngân sách nhà nước theo biên bản kiểm toán số 490/TB-KTNN KV XIII ngày 30/12/2019, Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và sẽ có quyết định xử lý tại cuộc họp Hội đồng quản trị sắp tới.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	102.639.420.000		61.699.975.012		23.682.245.321		188.021.640.333	
Lãi trong năm trước	-		-		136.827.106.419		136.827.106.419	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2019	-		26.469.001		(26.469.001)		-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019	-		-		(6.104.435.500)		(6.104.435.500)	
Chia cổ tức năm 2019	-		-		(17.551.340.820)		(17.551.340.820)	
Tạm chia cổ tức năm 2020 (*)	-		-		(41.055.768.000)		(41.055.768.000)	
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2020 (**)	-		-		(160.000.000)		(160.000.000)	
Số dư cuối năm trước	102.639.420.000		61.726.444.013		95.611.338.419		259.977.202.432	
Số dư đầu năm nay	102.639.420.000		61.726.444.013		95.611.338.419		259.977.202.432	
Lãi trong năm nay	-		-		60.244.770.438		60.244.770.438	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020 (*)	-		7.078.587		(7.078.587)		-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 (*)	-		-		(10.454.597.000)		(10.454.597.000)	
Chia cổ tức năm 2020 (*)	-		-		(85.149.662.832)		(85.149.662.832)	
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2021 (**)	-		-		(228.000.000)		(228.000.000)	
Số dư cuối năm nay	102.639.420.000		61.733.522.600		60.016.770.438		224.389.713.038	

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 08/06/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	92,24	136.827.106.419
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,64	10.454.597.000
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	0,12	160.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	0,01	7.078.587
Chi trả cổ tức (122,96%/vốn điều lệ)	92,24	126.205.430.832

Trong đó, Công ty đã tạm trích thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát, tạm chi trả cổ tức trong năm 2020 với số tiền lần lượt là 160.000.000 VND và 41.055.768.000 VND.

(**) Công ty tạm trích chi phí thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách từ Lợi nhuận sau thuế năm 2021, khoản tiền này sẽ được trình lên Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp sắp tới.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	84,32	86.541.420.000	84,32	86.541.420.000
- Các cổ đông khác	15,68	16.098.000.000	15,68	16.098.000.000
	100	102.639.420.000	100	102.639.420.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	102.639.420.000	102.639.420.000
- Vốn góp cuối năm	102.639.420.000	102.639.420.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	741.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	85.149.662.832	58.607.108.820
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	85.149.662.832	17.551.340.820
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	41.055.768.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(85.890.662.832)	(57.866.108.820)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(85.890.662.832)	(17.551.340.820)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	(40.314.768.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	741.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.263.942	10.263.942
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.263.942	10.263.942
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	10.263.942	10.263.942

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	61.733.522.600	61.726.444.013
	61.733.522.600	61.726.444.013

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại các địa chỉ sau: Thửa số 326 Tờ bản đồ địa chính số 34 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với diện tích 21.582 m² và thửa số 221 Tờ bản đồ địa chính số 18 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 23.826 m² để sử dụng với mục đích làm trại chăn nuôi heo; Thửa số 197 Tờ bản đồ địa chính số 27 Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 487,5 m² để sử dụng với mục đích làm cửa hàng thực phẩm gia súc từ năm 2009 đến năm 2046. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty cùng với Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai đã kiểm tra hiện trạng, đo đạc để bàn giao, phục vụ theo Quyết định 2833/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 16.867,7 m² để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc từ năm 2009 đến năm 2046. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 191.283,4 m² để sử dụng với mục đích làm trại chăn nuôi heo từ năm 2009 đến năm 2051. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	880,40	893,60
- Đồng Euro (EUR)	107,70	118,62

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng	312.809.536.000	347.266.754.650
	312.809.536.000	347.266.754.650

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	236.953.560.616	186.917.429.254
	236.953.560.616	186.917.429.254

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.724.446.849	8.328.350.261
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	513.607
	6.754.446.849	8.328.863.868

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	24.718
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	562.366	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(150.000.000)	-
	(149.437.634)	24.718

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	37.847.500	39.845.000
	37.847.500	39.845.000

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.588.251	126.306.982
Chi phí nhân công	5.952.519.500	5.742.498.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.223.791	213.223.791
Chi phí dự phòng	90.000.000	-
Thuế, phí, và lệ phí (*)	4.632.439.420	166.357.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.905.001	569.751.866
Chi phí khác bằng tiền	106.951.539	212.005.272
	11.446.627.502	7.030.143.531

(*) Số tiền thuế đất tăng mạnh trong năm là do Cục thuế tỉnh Đồng Nai áp đơn giá mới cho năm 2021 và tính lại đơn giá mới cho thời gian thuê từ năm 2016-2020 tại các thông báo tiền thuê đất số 194/TB.CT.QLHKDCNTK ngày 22/02/2021, số 440/TB.CT.QLHKDCNTK ngày 06/04/2021, số 444/TB.CT.QLHKDCNTK ngày 07/04/2021, số 443/TB.CT.QLHKDCNTK ngày 07/04/2021, số 196/TB-CT ngày 19/05/2021 và số 704/TB.CT.QLHKDCNTK ngày 10/06/2021. Công ty đã thực hiện ghi nhận chi phí và nộp tiền thuê đất đầy đủ theo các thông báo tiền thuê đất hàng năm của Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	71.275.384.865	161.599.076.015
Các khoản điều chỉnh tăng	562.366	771.100.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(30.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	71.245.947.231	162.370.176.015
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)	64.371.500.382	154.041.312.147
- Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)	6.874.446.849	8.328.863.868
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.030.614.427	24.771.969.596
- Chi phí thuế TNDN được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)	9.655.725.057	23.106.196.822
- Chi phí thuế TNDN không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)	1.374.889.370	1.665.772.774
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	11.030.614.427	24.771.969.596
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.271.969.596	4.342.794.482
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(13.271.969.596)	(24.842.794.482)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.030.614.427	4.271.969.596

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	60.244.770.438	136.827.106.419
Các khoản điều chỉnh	(228.000.000)	(10.614.597.000)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	-	(10.454.597.000)
- <i>Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát</i>	(228.000.000)	(160.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	60.016.770.438	126.212.509.419
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.263.942	10.263.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.847	12.297

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 08/06/2021 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2020 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo năm 2020	Số trình bày lại năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	136.827.106.419	136.827.106.419
Các khoản điều chỉnh	-	(10.614.597.000)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(10.454.597.000)
- <i>Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát</i>	-	(160.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	136.827.106.419	126.212.509.419
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.263.942	10.263.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.331	12.297

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	212.085.748.612	143.867.818.065
Chi phí nhân công	26.079.530.974	23.785.700.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.830.671.477	9.882.121.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.956.022.576	19.974.646.086
Chi phí khác bằng tiền	234.799.039	508.434.457
Tổng cộng	264.186.772.678	198.018.720.719

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.966.923.274	-	21.594.703.345	-
Phải thu khác hàng, phải thu khác	3.624.988.231	(90.000.000)	4.287.990.239	-
Các khoản cho vay	114.000.000.000	-	143.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.030.000.000	-	1.030.000.000	(150.000.000)
	128.621.911.505	(90.000.000)	169.912.693.584	(150.000.000)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	8.464.376.159	7.652.782.315
	8.464.376.159	7.652.782.315

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.030.000.000</u>	<u>1.030.000.000</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	-	880.000.000	880.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>880.000.000</u>	<u>880.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.966.923.274	-	-	9.966.923.274
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.534.988.231	-	-	3.534.988.231
Các khoản cho vay	114.000.000.000	-	-	114.000.000.000
	<u>127.501.911.505</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>127.501.911.505</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.594.703.345	-	-	21.594.703.345
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.287.990.239	-	-	4.287.990.239
Các khoản cho vay	143.000.000.000	-	-	143.000.000.000
	<u>168.882.693.584</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>168.882.693.584</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.464.376.159	-	-	8.464.376.159
	<u>8.464.376.159</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.464.376.159</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.652.782.315	-	-	7.652.782.315
	<u>7.652.782.315</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.652.782.315</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Thọ Vực	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển Bửu Long	Cùng công ty mẹ
Ông Đinh Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc
Ông Trần Minh Phương	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Mến	Thành viên HĐQT
Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT
	Bổ nhiệm ngày 08/06/2021
Bà Lê Thị Khánh Xương	Thành viên HĐQT
	Miễn nhiệm ngày 08/06/2021

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí tiền thuê đất	-	1.468.202.042
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	-	1.468.202.042
Chia cổ tức	71.794.762.032	49.415.150.820
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	71.794.762.032	49.415.150.820

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
- Ông Đinh Văn Hồng Chủ tịch HĐQT	87.000.000	55.000.000
- Ông Nguyễn Diên Tường Giám đốc/ Phó Chủ tịch HĐQT	872.591.446	709.766.000
- Ông Trần Minh Phương Phó Giám đốc/ Thành viên HĐQT	646.757.054	527.694.650
- Ông Đinh Ngọc Mẫn Thành viên HĐQT	489.395.465	475.318.569
- Ông Lâm Hùng Phương Thành viên HĐQT	35.000.000	-
- Bà Lê Thị Khánh Xương Thành viên HĐQT	60.000.000	43.000.000
Miễn nhiệm ngày 08/06/2021		

Ngoài các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Phan Thị Hiền Nhi
 Người lập


 Đinh Ngọc Mẫn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Diên Tường
 Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2022



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2022
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Diên Tường